

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án đề điều hoàn thành
năm 2009**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ Về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2005/QH11, ngày 29/11/2005 của Quốc hội quy định về đấu thầu; Nghị định số 58/2008/NĐ-CP, ngày 05/5/2008 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-BNN-ĐĐ ngày 22/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư tu bổ đề điều thường xuyên năm 2009 thành phố Hà Nội (Bắc Hà Nội);

Xét tờ trình số 41/SNN-TCKT ngày 17/3/2010 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc phê duyệt quyết toán Dự án tu bổ đề điều thường xuyên hoàn thành năm 2009 thành phố Hà Nội (Bắc Hà Nội);

Căn cứ biên bản thẩm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư XDCB Đề điều hoàn thành năm 2009 của tổ tư vấn ngày 04/8/2010 (Bắc Hà Nội);

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án đề điều hoàn thành :

Tên dự án : Tu bổ đề thường xuyên - Bắc Hà Nội

Chủ đầu tư : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hà Nội
(Ban quản lý dự án kê cứng hóa bờ sông Hồng thành phố Hà Nội)

Địa điểm xây dựng : Bắc Hà Nội

Thời gian khởi công, hoàn thành : Năm 2009

Điều 2. Kết quả đầu tư**1. Nguồn vốn đầu tư :**

Đơn vị tính : Đồng		
Nguồn	Được duyệt	Thực hiện
1	2	3
Tổng số		
Vốn Ngân sách Nhà nước TW	7.800.000.000	7.671.155.500

2. Chi phí đầu tư: (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Đơn vị tính : Đồng		
Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
1	2	3
Tổng số	7.795.421.223	7.560.352.500
- Xây dựng	7.150.954.000	6.881.852.000
- Thiết bị	0	0
- Chi phí khác	644.467.223	678.500.500

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản : Không**4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư :**

Đơn vị : Đồng				
Nội dung	Công trình (HMCT) Thuộc chủ đầu tư Quản lý		Công trình (HMCT) Giao đơn vị khác quản lý	
	2	3	4	5
Tổng số				
1- Tài sản cố định			7.560.352.500	
2- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư :**

1.1 Ban quản lý dự án kè cứng hóa bờ sông Hồng thành phố Hà Nội (cơ quan đại diện chủ đầu tư) được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình.

Đơn vị : Đồng		
Nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số		
Vốn Ngân sách Nhà nước TW	7.560.352.500	

1.2 Tổng các khoản công nợ tính đến ngày thẩm tra phê duyệt quyết toán 04/8/2010 là:

- Tổng nợ phải thu : 110.803.000 đồng
- Tổng nợ phải trả : Không

1.3 Ban quản lý dự án kè cứng hóa bờ sông Hồng thành phố Hà Nội có trách nhiệm thu hồi số kinh phí phải thu: 110.803.000 đồng của các nhà thầu nộp ngân sách.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:
Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)	Chi tiết theo nguồn vốn
1	2	3	4
Chi Cục đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội	7.560.352.500		Trung ương

Chi Cục đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội (Hạt quản lý đê) có trách nhiệm quản lý, sử dụng các hạng mục công trình đê điều hoàn thành trong năm đảm bảo an toàn chống lũ.

Điều 4: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch; Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội; Ban quản lý dự án kè cứng hóa bờ sông Hồng thành phố Hà Nội; Chi Cục trưởng Chi Cục đê điều và Phòng chống lụt bão Hà Nội và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư);
- Kho bạc Nhà nước Trung ương ;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu VT, TC (02 bản).



Ngô Anh Tuấn



PHỤ LỤC CHI TIẾT

Kèm theo Quyết định số 150/2010/QĐ-BNN-TC ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị tính: Đồng

Hạng mục công trình	Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán	Kho bạc cấp phát	Kết quả thẩm tra	Chi phí đầu tư được quyết toán	Chênh lệch		Công nợ		
					Giảm chi phí	Thu hồi số đã cấp	Phải thu	Phải trả	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng (A+B)	7.795.421.223	7.671.155.500	7.671.155.500	7.560.352.500	7.560.352.500	(110.803.000)	110.803.000	110.803.000	0
A Chi phí xây dựng	7.150.954.000	6.967.055.000	6.967.055.000	6.881.852.000	6.881.852.000	(85.203.000)	85.203.000	85.203.000	0
Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê tả Hồng Km70+570 - Km71+250	2.029.200.000	2.023.247.000	2.023.247.000	1.992.150.000	1.992.150.000	(31.097.000)	31.097.000	31.097.000	0
Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê tả Hồng đoạn từ Km72+900 - Km73+557	2.342.463.000	2.320.500.000	2.320.500.000	2.301.519.000	2.301.519.000	(18.981.000)	18.981.000	18.981.000	0
Hoàn chỉnh mặt cắt đê và xây dựng đường cầu bộ đê tả Hồng đoạn từ Km68+580 - Km69+280 (thực tế từ K68+650 đến K69+280)	2.779.291.000	2.623.308.000	2.623.308.000	2.588.183.000	2.588.183.000	(35.125.000)	35.125.000	35.125.000	0
B Chi phí khác	644.467.223	704.100.500	704.100.500	678.500.500	678.500.500	(25.600.000)	25.600.000	25.600.000	0
Chi phí quản lý dự án	147.961.544	147.420.000	147.420.000	147.420.000	147.420.000	0	0	0	0
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	496.505.679	456.690.500	456.690.500	456.690.500	456.690.500	0	0	0	0
Khảo sát địa hình	61.634.505	61.635.000	61.635.000	61.635.000	61.635.000	0	0	0	0
Thiết kế bản vẽ thi công	245.849.150	221.264.000	221.264.000	221.264.000	221.264.000	0	0	0	0
Thẩm tra thiết kế BVTC và DT công trình	20.415.543	20.415.500	20.415.500	20.415.500	20.415.500	0	0	0	0
Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	20.559.315	18.588.000	18.588.000	18.588.000	18.588.000	0	0	0	0
Giám sát thi công xây dựng	148.047.166	134.588.000	134.588.000	134.588.000	134.588.000	0	0	0	0
Chi phí khác	75.042.288	100.190.000	100.190.000	74.590.000	74.590.000	(25.600.000)	25.600.000	25.600.000	0
Thẩm tra tổng mức đầu tư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo hiểm công trình	74.042.288	73.590.000	73.590.000	73.590.000	73.590.000	0	0	0	0
Thẩm tra phê duyệt quyết toán	0	25.600.000	25.600.000	0	0	(25.600.000)	25.600.000	25.600.000	0
Thẩm định phê duyệt kết quả đầu thầu	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	0	0	0	0